TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Châu;

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị X**.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn N**.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-3-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2012, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 01 - 2012 ngày 31-12-2012. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường

xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh, chị không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Văn N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh biết nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị X. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh vắng mặt không có lý do và chị X có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho anh biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là chị X đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn là anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, cho chị ly hôn với anh N. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, chị X không yêu cầu và anh N cũng không có ý kiến gì nên đề nghị không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là chị X có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều

vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X, anh N kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 185, ngày 31-12-2012. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, chị X có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Theo chị X trình bày thì sau khi kết hôn, chị X và anh N chung sống vui vẻ, hạnh phúc bên nhau chỉ được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai người không cùng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị X không còn sống chung. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mời hai bên hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh N không đến và chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, cả hai người đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, không sống chung với nhau là thể hiện sự không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, cho chị ly hôn với anh N theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị X cho rằng không có, không yêu cầu và anh N cũng không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Như vậy, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị X là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị X phải chịu 300.000 đồng án phí trong vụ án ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị X và anh Trần Văn N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị X và anh Trần Văn Năm không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí trong vụ án ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000489 ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy chị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND xã H, huyện T, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Tòa án lưu Vp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh